

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 6 năm 2023
V/v xin ly hôn và xác định cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hữu Hưởng

2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc xin ly hôn và xác định cha cho con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L. Sinh năm 1986. Địa chỉ: Bản N(trước đây là bản N2), xã S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn K, sinh năm 1979. Địa chỉ: Địa chỉ: Bản N(trước đây là bản N2), xã S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi ở hiện tại: Số nhà 57, thôn T, xã T2, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Bá T3, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn T5, xã P, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày như sau:

Chị và anh Lê Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc theo quy định của pháp luật. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Mai Sơn vào ngày 08/01/2003 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K không quan T3 đến gia đình, làm nghề lái xe thường xuyên đi xa, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, vợ chồng không ai còn quan T3 đến nhau. Hiện tại, chị xác định không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn K.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Hoàng Đức C, sinh ngày 31/3/2003 và cháu Lê Thị X, sinh ngày 29/11/2006. Về việc cháu C đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án xem xét. Đối với cháu X, chị tôn trọng ý kiến của cháu về việc muốn ở cùng ai.

Trong khoảng thời gian ly thân, chị có tình cảm với anh Trần Bá T3, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, và có 01 con chung là cháu Hoàng Trần R, sinh ngày 02/01/2019. Do cháu R sinh trong thời gian hôn nhân với anh Lê Văn K nên trong giấy khai sinh của cháu, anh K là bố đẻ của cháu. Chị đề nghị Tòa án xác định cháu Hoàng Trần R, sinh ngày 02/01/2019, giấy khai sinh số 17 tại UBND xã S, huyện Mai Sơn là con đẻ của anh Trần Bá T3.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh chị đã tự thỏa thuận xong và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai gửi cho Tòa án, bị đơn anh Lê Văn K trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc theo quy định của pháp luật. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Mai Sơn vào ngày 08/01/2003 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, do đặc thù công việc lái xe nên anh thường xuyên đi xa nhà. Vì vậy, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Sau đó, vợ chồng đã thống nhất chuyển về quê anh sinh sống nhưng chị L lại bỏ đi, không sống được. Vì vậy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân một thời gian dài. Trong thời gian này, mỗi người đều có cuộc sống riêng và không ai còn quan T3 đến nhau. Vì vậy, anh nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Hoàng Đức C, sinh ngày 31/3/2003 và cháu Lê Thị X, sinh ngày 29/11/2006. Hiện cháu C đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án xem xét. Cháu X hiện đang ở cùng anh, có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng anh. Vì vậy, anh nhận tiếp tục nuôi dưỡng cháu, không đề nghị chị

L cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh chị ly thân từ năm 2016 nên chị L có quan hệ tình cảm với người khác tôi không quan T3 và cũng không có đề nghị gì. Anh chị mâu thuẫn từ trước khi chị L có quan hệ với người khác nên chị L đề nghị xác nhận cháu R không phải là con tôi và con của người khác, anh nhất trí.

Về tài sản chung: Anh chị đã tự thỏa thuận xong từ khi ly thân, nên không có đề nghị giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan - anh Trần Bá T3 trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị L có quen biết và nảy sinh tình cảm, anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Trần R, sinh ngày 02/01/2019, giấy khai sinh số 17 tại UBND xã S, huyện Mai Sơn. Tuy nhiên, chị L chưa hoàn tất ly hôn với chồng nên trên giấy khai sinh vẫn để tên anh Lê Văn K là bố đẻ. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu R, đề nghị Tòa án nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị L, xác định cháu Hoàng Trần R là con đẻ của anh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định ADN. Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ 2201523 ngày 04/5/2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ phân tích Di truyền thể hiện: Cháu Hoàng Trần R, sinh ngày 02/01/2019 (theo giấy khai sinh số 17/2019 tại UBND xã S) và anh Trần Bá T3, sinh ngày 15/8/1986 (số CCCD 034086016482) có quan hệ huyết thống: CHA - CON. Đồng thời, Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại nơi cư trú của chị L và anh K.

Do các đương sự không có mặt tại Tòa án nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 51, khoản 1

Điều 56, Khoản 2 Điều 89, Điều 91, 101 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, khoản 1 Điều 228, các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24; khoản 2, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Lê Văn K.

Về con chung, giao con chung cháu Lê Thị X, sinh ngày 29/11/2006 cho anh Lê Văn K trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu xác định cha cho con: Xác định anh Trần Bá T3 là cha của cháu Hoàng Trần R.

Về tài sản chung và nợ chung: đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

Về án phí: Nguyên đơn nhận chịu án phí xin ly hôn theo quy định và án phí xác nhận cha cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Lê Văn K có địa chỉ tại: Bản N(trước đây là bản N2), xã S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; đề nghị xác định anh Trần Bá T3 là cha của cháu Hoàng Trần R. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn và tranh chấp xác định cha cho con là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ **Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Lê Văn K tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2003, anh chị đã được UBND xã S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/01/2003. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị L, mâu thuẫn là do anh K không quan tâm đến gia đình, làm nghề lái xe thường xuyên đi xa, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh K cũng xác nhận vợ chồng mâu thuẫn là do anh làm nghề lái xe, thường xuyên xa nhà nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Đồng thời, anh chị đều xác nhận đã sống ly thân một thời gian dài và không ai còn quan tâm đến nhau, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng. Qua xác

minh tại Ban quản lý Bản N(trước kia là bản Nông Chô) xác định: Chị L và anh K sau khi kết hôn chung sống tại bản đến năm 2016 thì vợ chồng chuyển về quê nội chung sống. Tuy nhiên một thời gian ngắn sau chị L lại quay về địa phương chung sống, anh K không cùng chung sống. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị L và anh K có thời gian dài sống ly thân, chị L có yêu cầu xin ly hôn, anh K không có biện pháp hàn gắn tình cảm và nhất trí ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan T3 đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị L, xử cho chị L được ly hôn với anh Lê Văn K.

[2.2] *Về con chung*: Các tài liệu chị L cung cấp và xác nhận của anh Lê Văn K xác định trong thời gian hôn nhân, chị L và anh K có 02 con chung là Lê Hoàng Đức C, sinh ngày 31/3/2003 và cháu Lê Thị X, sinh ngày 29/11/2006. Trong thời gian ly thân, cả hai cháu đều sống cùng anh K. Anh chị đều xác nhận cháu C đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lê Thị X, chị L tôn trọng sự lựa chọn của con muốn ở cùng ai, anh K có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu X, không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu X, cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng với bố. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của con chưa thành niên và bị đơn, giao cháu Lê Thị X, sinh ngày 29/11/2006 cho anh Lê Văn K trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự thống nhất của đương sự về việc không cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về yêu cầu xác định cha cho con*:

Như đã nhận định tại mục [2.2], chị L và anh K đều xác định anh chị có 02 con chung, xác định cháu Hoàng Trần R, sinh ngày 02/01/2019 (do chị L sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L và anh K) không phải là con chung của anh chị.

Anh Trần Bá T3 và chị Hoàng Thị L đều thống nhất xác nhận cháu R là con chung của anh chị. Tại Phiếu kết quả phân tích ADN số KQ 2201523 ngày 04/5/2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ phân tích Di truyền thể hiện: Cháu Hoàng Trần R, sinh ngày 02/01/2019 (theo giấy khai sinh số 17/2019 tại UBND xã S) và anh Trần Bá T3, sinh ngày 15/8/1986 (số CCCD 034086016482) có quan hệ huyết thống: CHA – CON với xác suất 99,9999%.

Từ ý kiến thống nhất của các đương sự và kết quả xét nghiệm ADN, có đủ cơ sở xác định cháu Hoàng Trần R, do chị Hoàng Thị L sinh ngày 02/01/2019 (trong thời kỳ hôn nhân với anh K) là con của anh Trần Bá T3. Căn cứ khoản 2 Điều 89, Điều 91, 101 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn khẳng định đã tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[2.5] *Về án phí*: Chị Hoàng Thị L chịu án phí xin ly hôn theo quy định và nhận chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về việc xác định cha cho con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Khoản 2 Điều 89, Điều 91, 101 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1, 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm b khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24; khoản 2, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Lê Văn K.

2. Về con chung: Cháu Lê Hoàng Đức C, sinh ngày 31/3/2003 đã đủ tuổi trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét. Giao cháu Lê Thị X, sinh ngày 29/11/2006 cho anh Lê Văn K trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K do anh K không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị L được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về xác định cha cho con: Xác định cháu Hoàng Trần R, sinh ngày 02/01/2019 (theo giấy khai sinh số 17/2019 tại UBND xã S cấp ngày 25/01/2019 do chị Hoàng Thị L sinh ra) là con của anh Trần Bá T3, sinh ngày 15/8/1986 (số CCCD 034086016482).

Chị Hoàng Thị L và anh Trần Bá T3 được quyền thay đổi hộ tịch cho cháu Hoàng Trần R theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết ở một vụ án khác.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về việc xin ly hôn là 300.000VNĐ và tranh chấp xác định cha cho con là 300.000VNĐ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002394 ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, phải nộp tiếp 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã S, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Minh Quân